

Kính gửi:

- Liên đoàn Lao động các huyện, thị xã, thành phố;
- Công đoàn KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi;
- Công đoàn cơ sở Công ty cổ phần May Đông Thành.

Thực hiện Kế hoạch số 141/KH-TLĐ ngày 08/10/2024, Công văn số 2533/TLĐ-QHLĐ ngày 07/11/2024 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc triển khai xây dựng Báo cáo về hệ thống tiền lương trong các doanh nghiệp dệt may và khuyến nghị nội dung đối thoại, thương lượng tập thể về tiền lương trong ngành dệt may tại Việt Nam năm 2025,

Để có cơ sở tổng hợp, đánh giá thực trạng hệ thống tiền lương tại doanh nghiệp dệt may đã thành lập Công đoàn cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và báo cáo với Tổng Liên đoàn, Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh đề nghị các cấp Công đoàn trong tỉnh phối hợp triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu về các doanh nghiệp dệt may trên địa bàn đã thành lập Công đoàn cơ sở.

- Thông tin khảo sát: Theo phụ lục số 1 gửi kèm theo.
- Tài liệu cần thu thập: Theo phụ lục số 2 gửi kèm theo.
- Đối tượng thu thập: Tất cả doanh nghiệp dệt may đã thành lập công đoàn cơ sở thuộc phân cấp quản lý của địa phương, đơn vị.
- Hình thức thu thập:
 - + Thông tin khảo sát theo phụ lục số 1: Công đoàn cơ sở điền thông tin của doanh nghiệp vào bảng hỏi.
 - + Tài liệu cần thu thập theo phụ lục số 2: Bản scan dạng file pdf hoặc file word.

- Thời gian hoàn thành và gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh (qua Ban Chính sách pháp luật và Quan hệ Lao động) **trước ngày 15/11/2024**.

2. Xây dựng báo cáo về hệ thống tiền lương trong các doanh nghiệp dệt may của địa phương, đơn vị.

- Nội dung báo cáo: Theo phụ lục số 3 gửi kèm theo.
- Thời gian hoàn thành và gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh (qua Ban Chính sách pháp luật và Quan hệ Lao động) **trước ngày 19/11/2024**.

3. Kinh phí thực hiện khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu, xây dựng báo cáo:
Từ nguồn tài chính của Công đoàn theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về
Liên đoàn Lao động tỉnh (qua Ban Chính sách pháp luật và Quan hệ Lao động) để
được hướng dẫn, thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực LĐLĐ tỉnh;
- Lưu: VT, Ban CSPL&QHLD.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Đại Thắng

PHỤ LỤC 1

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Mã số:.....

BẢNG HỎI Ý KIẾN CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ

Để xây dựng cơ sở dữ liệu về tiền lương, thu nhập trả cho người lao động tại các doanh nghiệp ngành dệt may, từ đó cung cấp thông tin, khuyến nghị cho các cấp công đoàn, đặc biệt là công đoàn cơ sở tại các doanh nghiệp dệt may có căn cứ đối thoại, thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể trong năm 2025, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tiến hành khảo sát trung câu ý kiến của cán bộ công đoàn cơ sở về các nội dung liên quan và vai trò của các cấp công đoàn.

Thời gian trả lời phiếu dự kiến khoảng 60 phút và có một số thông tin cần Anh/chị chuẩn bị trước. **Thông tin Anh/Chị chia sẻ với chúng tôi được giữ bí mật, không chia sẻ với bên thứ ba; chỉ được sử dụng bởi nhóm nghiên cứu, những phát hiện của nghiên cứu sẽ không liên kết hay dẫn chiếu tới cụ thể trường hợp của Anh/Chị hoặc doanh nghiệp Anh/Chị đang làm việc.**

Kết cấu bảng hỏi gồm 2 phần: Phần 1 cung cấp những thông tin chung (Anh/chị khoanh tròn vào đáp án phù hợp); Phần 2 là thống kê số liệu tình hình lao động, việc làm, tiền lương, thu nhập... của người lao động tại doanh nghiệp (Anh/chị bổ sung thông tin theo tiêu chí thống kê).

Nếu Anh/Chị có bất kỳ câu hỏi, thắc mắc nào, xin vui lòng liên hệ với anh Nguyễn Thanh Tùng – Viện Công nhân và Công đoàn, SĐT: 0946.039.606.

Xin trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG 1: THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Giới tính của anh/chị là:

1. Nam

2. Nữ

2. Anh/chị sinh năm nào?

Sinh năm:

3. Thời gian làm việc tại doanh nghiệp của anh/chị là bao nhiêu năm:

Số năm:

4. Thời gian làm cán bộ công đoàn của anh/chị là bao nhiêu năm?

Số năm:

5. Vị trí việc làm tại doanh nghiệp của anh/chị là:

1. Thành viên ban giám đốc

2. Cán bộ quản lý cấp phòng trở lên

3. Nhân viên văn phòng

4. Lao động trực tiếp

5. Cán bộ công đoàn chuyên trách

II. THÔNG TIN VỀ CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ

6. Công đoàn cơ sở trong doanh nghiệp trực thuộc cấp nào sau đây?

1. Công đoàn Dệt may Việt Nam

2. Liên đoàn Lao động tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương

3. Công đoàn ngành dệt may địa phương

4. Liên đoàn Lao động các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

5. Công đoàn Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế

7. Mô hình tổ chức của công đoàn cơ sở trong doanh nghiệp anh/chị là:

1. Công đoàn cơ sở - đoàn viên công đoàn

2. Công đoàn cơ sở - công đoàn bộ phận/tổ công đoàn - đoàn viên công đoàn
3. Công đoàn cơ sở - công đoàn bộ phận - tổ công đoàn - đoàn viên công đoàn
4. Công đoàn cơ sở - công đoàn cơ sở thành viên - công đoàn bộ phận - tổ công đoàn - đoàn viên công đoàn

III. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

8. Tên doanh nghiệp, địa chỉ và năm thành lập doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp:
2. Địa chỉ:
3. Năm thành lập:

9. Trụ sở chính của doanh nghiệp đặt ở đâu?

1. Trong khu (cụm) công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế
2. Ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế

10. Doanh nghiệp có chi nhánh không?

1. Có Số chi nhánh: chi nhánh
2. Không

11. Doanh nghiệp có công ty con không?

1. Có (Số công ty con: công ty)
2. Không

12. Doanh nghiệp thuộc hình thức sở hữu nào sau đây?

1. Doanh nghiệp nhà nước
2. Doanh nghiệp ngoài nhà nước
3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Nước:)

13. Ngành nghề sản xuất của doanh nghiệp?

1. May
2. Dệt (dệt sợi, không may)
3. Dệt, may

14. Doanh nghiệp sản xuất theo phương thức nào sau đây (đối với doanh nghiệp có ngành nghề sản xuất sản phẩm may)?

1. Gia công (CMT)
2. Sản xuất theo mẫu mã của khách hàng (OEM/FOB)
3. Sản xuất thiết kế gốc (ODM)
4. Sản xuất và bán sản phẩm dưới thương hiệu của chính mình (OBM)

15. Doanh nghiệp là thành viên hiệp hội doanh nghiệp nào? (có thể chọn nhiều đáp án)

1. Hiệp hội dệt may Việt Nam (VITAS)
2. Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài
3. Hiệp hội doanh nghiệp của địa phương
4. Khác: (ghi cụ thể)

16. Tình trạng đơn hàng của doanh nghiệp hiện nay?

1. Đang thiếu hụt đơn hàng
2. Có đủ đơn hàng để sản xuất đến hết quý I năm 2025
3. Có đủ đơn hàng sản xuất hết quý II năm 2025
4. Có đủ đơn hàng sản xuất hết năm 2025
5. Khác: (ghi rõ)

17. Hiện tại, doanh nghiệp ở trạng thái nào so với trước dịch Covid 19?

1. Đã phục hồi sản xuất với sản lượng, đơn hàng như trước
2. Đã phục hồi sản xuất với sản lượng, đơn hàng cao hơn trước
Cao hơn:%

3. Chưa phục hồi sản xuất, sản lượng, đơn hàng vẫn thấp hơn trước
Thấp hơn:%

18. Doanh nghiệp dự báo tình hình đơn hàng năm 2025 so với năm 2024?

1. Tăng (.... %) 2. Không thay đổi nhiều 3. Giảm (.... %)

19. Dự kiến tuyển dụng lao động trong năm 2025 (và ước tỷ lệ % tăng/giảm tương ứng)?

1. Sẽ tuyển thêm lao động (... %)
2. Giữ nguyên số lao động hiện tại
3. Giảm lao động (.... %)

V. TIỀN LƯƠNG

20. Doanh nghiệp thuộc vùng lương tối thiểu nào?

1. Vùng 1 2. Vùng 2
3. Vùng 3 4. Vùng 4

21. Doanh nghiệp có xây dựng thang lương, bảng lương không?

1. Có 2. Không

22. Doanh nghiệp có xây dựng định mức lao động không?

1. Có 2. Không

23. Doanh nghiệp có công khai thang lương, bảng lương không?

1. Có 2. Không

24. Hình thức trả lương của doanh nghiệp? (có thể chọn nhiều phương án)

1. Theo thời gian 2. Theo sản phẩm/khoản sản phẩm
3. Kết hợp theo thời gian/sản phẩm 4. Kết hợp khác:(ghi rõ)

25. Doanh nghiệp quy định về nâng bậc lương như thế nào?

(Có thì khoanh vào số 1 và điền số liệu, không thì khoanh vào số 2)

Nhóm lao động	Có nâng hay không		Thời gian nâng lương (tháng)	Tỷ lệ số tiền nâng bình quân (%)
	Có	Không		
1. Lao động quản lý cấp trung	1	2		
2. Lao động gián tiếp	1	2		
3. Lao động trực tiếp	1	2		

26. Doanh nghiệp đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo các khoản nào sau

đây? (Lưu ý: câu này chỉ xác định định tính có hoặc không, mức cụ thể xác định ở các câu sau)

(Có thì khoanh vào số 1, không thì khoanh vào số 2)

Các khoản tham gia BHXH	LĐ quản lý cấp trung		Lao động gián tiếp		Lao động trực tiếp	
	Có	Không	Có	Không	Có	Không
1. Mức lương tối thiểu vùng	1	2	1	2	1	2
2. Mức lương theo công việc/chức danh hoặc theo sản phẩm/khoản	1	2	1	2	1	2
Các khoản tham gia BHXH	LĐ quản lý cấp trung		Lao động gián tiếp		Lao động trực tiếp	

	<i>Có</i>	<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Không</i>	<i>Có</i>	<i>Không</i>
3. Mức lương theo hợp đồng lao động	1	2	1	2	1	2
4. Tiền lương thực nhận	1	2	1	2	1	2
5. Tiền thưởng	1	2	1	2	1	2
6. Phụ cấp	1	2	1	2	1	2
7. Trợ cấp	1	2	1	2	1	2
8. Thu nhập tăng thêm khác	1	2	1	2	1	2

IV. THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

27. Thu nhập của người lao động gồm những khoản nào? Và tỷ lệ % của từng khoản trong thu nhập của người lao động?

(Có khoản nào thì khoanh vào số 1 và điền tỷ lệ, không thì không khoanh)

Các khoản	LĐ quản lý cấp trung		Lao động gián tiếp		Lao động trực tiếp	
	<i>Có</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Có</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Có</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
1. Mức lương theo công việc/chức danh hoặc theo sản phẩm/khoản	1		1		1	
2. Phụ cấp	1		1		1	
3. Các khoản bổ sung khác	1		1		1	
4. Thưởng	1		1		1	
5. Phúc lợi, trợ cấp, thu nhập khác	1		1		1	
6. Tiền làm thêm giờ	1		1		1	
7. Khác:..... (ghi rõ)	1		1		1	

VI. PHỤ CẤP

28. Doanh nghiệp có các khoản phụ cấp nào sau đây, mức cụ thể, tỷ lệ người lao động được hưởng?

(Trả lời theo hàng ngang)

(Có thì khoanh vào số 1 và điền số liệu, không thì khoanh vào số 2)

Các loại phụ cấp	Có/không		Mức tiền trung bình (VNĐ) ¹	Tỷ lệ LĐ được hưởng (%)
	<i>Có</i>	<i>Không</i>		
1. Phụ cấp chức vụ, chức danh	1	2		
2. Phụ cấp trách nhiệm	1	2		
3. Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	1	2		
4. Phụ cấp thâm niên	1	2		
5. Phụ cấp thu hút	1	2		
6. Phụ cấp kiêm nhiệm	1	2		
7. Phụ cấp ngoại ngữ	1	2		
8. Phụ cấp kỹ thuật (công nhân kỹ thuật)	1	2		

¹ Mức tiền trung bình của 1 khoản phụ cấp được tính bằng tổng số tiền của khoản phụ cấp đó chia cho tổng số lao động được phụ cấp, ví dụ: Mức phụ cấp trách nhiệm trung bình = Tổng số tiền của DN chi phụ cấp trách nhiệm ÷ tổng số lao động được phụ cấp trách nhiệm.

Các loại phụ cấp	Có/không		Mức tiền trung bình (VNĐ) ¹	Tỷ lệ LĐ được hưởng (%)
	Có	Không		
9. An toàn vệ sinh viên	1	2		
10. Phụ cấp khác (ghi rõ)	1	2		

VII. THƯỞNG

29. Doanh nghiệp có xây dựng quy chế thưởng/thu nhập theo hiệu suất không?

1. Có 2. Không

30. Doanh nghiệp có các khoản thưởng nào sau đây, mức cụ thể, tỷ lệ người lao động được hưởng? Những khoản này có được tính để đóng BHXH?

(Trả lời theo hàng ngang)

(Có thì khoanh vào số 1 và điền số liệu, không thì khoanh vào số 2)

Các loại thưởng	Có/không		Mức tiền trung bình (VNĐ) ²	Tỷ lệ NLD được hưởng (%)	Có được tính tham gia BHXH không	
	Có	Không			Có	Không
1. Thưởng tôn vinh NLD	1	2			1	2
2. Thưởng tháng, quý	1	2			1	2
3. Thưởng năm (vào cuối năm)	1	2			1	2
4. Thưởng Tết âm lịch (lương tháng 13...)	1	2			1	2
5. Thưởng Lễ (Tết dương lịch, 30/4 và 1/5; giỗ tổ, 2/9...)	1	2			1	2
6. Thưởng chuyên cần	1	2			1	2
7. Thưởng đề tài, cải tiến, sáng kiến, sáng tạo	1	2			1	2
8. Thưởng phát hiện ăn cắp, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, thu hồi, tiết kiệm tài sản, nguyên vật liệu	1	2			1	2
9. Thưởng khác (tuân thủ nội quy, đầu năm...) ghi rõ	1	2			1	2

31. Dự kiến thưởng tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025 cho người lao động của công ty như thế nào?

Số tiền:

VIII. PHÚC LỢI, THU NHẬP KHÁC

² Mức tiền trung bình của 1 khoản thưởng được tính bằng tổng số tiền của khoản thưởng đó chia cho tổng số lao động được thưởng, ví dụ: Mức thưởng chuyên cần trung bình = Tổng số tiền của DN chi cho thưởng chuyên cần ÷ tổng số lao động được thưởng chuyên cần.

người lao động được hưởng?

(Trả lời theo hàng ngang)

(Có thì khoanh vào số 1 và điền số liệu, không thì khoanh vào số 2)

Phúc lợi, thu nhập khác	Có/không		Mức tiền trung bình (VNĐ) ³	Tỷ lệ NLD được hưởng (%)	Có được tính tham gia BHXH không	
	Có	Không			Có	Không
1. Tham quan, du lịch	1	2			1	2
2. Hỉ (cưới, sinh con, tân gia)	1	2			1	2
3. Hiếu, tang chế cho bản thân NLD, thân nhân (hoa, tiền)	1	2			1	2
4. Hỗ trợ khó khăn đột xuất; điều trị ốm đau dài ngày	1	2			1	2
5. Tặng quà khi nghỉ hưu	1	2			1	2
6. Tặng quà ngày lễ, kỷ niệm trong năm	1	2			1	2
7. Giảm giá sản phẩm của DN	1	2			1	2
8. Nuôi con nhỏ, gửi trẻ	1	2			1	2
9. Nhà ở	1	2			1	2
10. Đi lại, xăng xe	1	2			1	2
11. Bảo hiểm tai nạn 24/24	1	2			1	2
12. Hỗ trợ vé xe về quê đón Tết	1	2			1	2
13. Hỗ trợ lao động nữ	1	2			1	2
14. Bữa ăn ca	1	2			1	2
15. Khác (ghi rõ)	1	2			1	2

IX. THỜI GIỜ LÀM VIỆC, NGHỈ NGƠI

33. Thời giờ làm việc bình thường theo quy định của Doanh nghiệp là bao nhiêu giờ/tuần?

1. 48 giờ
2. 44 giờ
3. 40 giờ
4. Khác: (ghi rõ)

34. Doanh nghiệp tổ chức sản xuất như thế nào?

1. Làm theo ca (3 ca)
2. Làm giờ hành chính
3. Kết hợp cả làm theo ca và theo giờ hành chính

35. Khi doanh nghiệp tổ chức làm thêm giờ có thỏa thuận với người lao động không?

1. Có

³ Mức tiền trung bình của 1 phúc lợi được tính bằng tổng số tiền của phúc lợi đó chia cho tổng số lao động được hưởng, ví dụ: Mức tiền chi phúc lợi Nhà ở trung bình = Tổng số tiền của DN chi cho phúc lợi Nhà ở ÷ tổng số lao động được hưởng phúc lợi nhà ở.

2. Không

36. Ngoài các ngày nghỉ theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp có thêm ngày nghỉ có hưởng lương cho người lao động?

(Có thì khoanh vào số 1 và điền số liệu, không thì khoanh vào số 2)

Ngày nghỉ thêm	Có/không		Thời gian nghỉ (ngày)	Tỷ lệ NLĐ được hưởng (%)
	Có	Không		
1. Thành lập công ty	1	2		
2. Mừng 8/3, 20/10...	1	2		
3. Tết cổ truyền của người lao động là người dân tộc thiểu số	1	2		
4. Ngày lễ, tết của nước đầu tư	1	2		
5. Giáng sinh	1	2		
6. Nghỉ mát	1	2		
7. Khác (ghi rõ)	1	2		

X. ĐỐI THOẠI, THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ

37. Nội dung và tần suất thực hiện đối thoại tại doanh nghiệp như thế nào?

(Có thì khoanh vào số 1 và điền số liệu, không thì khoanh vào số 2)

Nội dung đối thoại	Có đối thoại không?		Tần suất đối thoại (hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, 6 tháng 1 lần, hàng năm, đột xuất)
	Có	Không	
1. Xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động	1	2	
2. Xây dựng quy chế thưởng	1	2	
3. Xây dựng quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc	1	2	
4. Nội dung khác liên quan đến tiền lương, thu nhập (ghi rõ)	1	2	

38. Doanh nghiệp có thỏa ước lao động tập thể không?

1. Có 2. Không

Nếu có thì được công đoàn cấp trên xếp loại nào:

1. Loại A 2. Loại B 3. Loại C
4. Loại D 5. Không được xếp loại 6. Không biết

39. Nếu có, thì thỏa ước lao động tập thể có nội dung về tiền lương, thu nhập không?

1. Có 2. Không

Nếu có, thì nội dung cụ thể về tiền lương, thu nhập là gì:

.....

40. Từ năm 2022 đến nay, tại doanh nghiệp có xảy ra ngừng việc tập thể liên quan đến tiền lương, thu nhập không?

1. Có

2. Không có

Nếu có, thì nội dung cụ thể là gì:.....

XI. CÔNG ĐOÀN VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG, THU NHẬP

41. Công đoàn cơ sở có tham gia vào các hoạt động dưới đây không và hiệu quả tham gia như thế nào?

(Có thì khoanh vào số 1 và điền số liệu, không thì khoanh vào số 2)

(Nếu có thì khoanh vào mục tương ứng ở phần Hiệu quả tham gia)

TT	Nội dung tham gia của công đoàn cơ sở	Có tham gia không?		Hiệu quả tham gia (khoanh tròn vào ô tương ứng)				
		Có	Không	Rất thấp	Thấp	Bình thường	Cao	Rất cao
1.	Xây dựng thang lương, bảng lương	1	2	1	2	3	4	5
2.	Xây dựng chính sách, quy chế tiền lương, thưởng, thu nhập, phúc lợi	1	2	1	2	3	4	5
3.	Xây dựng định mức lao động	1	2	1	2	3	4	5
4.	Đối thoại về tiền lương, thưởng, thu nhập, phúc lợi	1	2	1	2	3	4	5
5.	Thương lượng tập thể, ký kết thỏa ước lao động tập thể có nội dung về tiền lương, thưởng, thu nhập, phúc lợi	1	2	1	2	3	4	5
6.	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách tiền lương, thưởng, thu nhập, phúc lợi	1	2	1	2	3	4	5

42. Người lao động có tham gia vào các hoạt động dưới đây không và hiệu quả tham gia như thế nào?

(Có thì khoanh vào số 1 và điền số liệu, không thì khoanh vào số 2)

(Nếu có thì khoanh vào mục tương ứng ở phần Hiệu quả tham gia)

TT	Nội dung tham gia của người lao động	Có tham gia không?		Hiệu quả tham gia (khoanh tròn vào ô tương ứng)				
		Có	Không	Rất thấp	Thấp	Bình thường	Cao	Rất cao
1.	Xây dựng thang lương, bảng lương	1	2	1	2	3	4	5
2.	Xây dựng chính sách, quy chế tiền lương, thưởng, thu nhập, phúc lợi	1	2	1	2	3	4	5
3.	Xây dựng định mức lao động	1	2	1	2	3	4	5
4.	Đối thoại về tiền lương, thưởng, thu nhập, phúc lợi	1	2	1	2	3	4	5

TT	Nội dung tham gia của người lao động	Có tham gia không?		Hiệu quả tham gia (khoanh tròn vào ô tương ứng)				
		Có	Không	Rất thấp	Thấp	Bình thường	Cao	Rất cao
5.	Thương lượng tập thể, ký kết thỏa ước lao động tập thể có nội dung về tiền lương, thưởng, thu nhập, phúc lợi	1	2	1	2	3	4	5
6.	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách tiền lương, thưởng, thu nhập, phúc lợi	1	2	1	2	3	4	5

43. Anh/chị đánh giá sự hỗ trợ của công đoàn cấp trên đối với công đoàn cơ sở trong các hoạt động dưới đây tại doanh nghiệp?

(Có thì khoanh vào số 1 và điền số liệu, không thì khoanh vào số 2)

(Nếu có thì khoanh vào mục tương ứng ở phần Hiệu quả hỗ trợ)

TT	Sự hỗ trợ của công đoàn cấp trên	Có hỗ trợ không?		Hiệu quả hỗ trợ (khoanh tròn vào ô tương ứng)				
		Có	Không	Rất thấp	Thấp	Bình thường	Cao	Rất cao
1.	Xây dựng thang lương, bảng lương	1	2	1	2	3	4	5
2.	Xây dựng chính sách, quy chế tiền lương, thưởng, thu nhập, phúc lợi	1	2	1	2	3	4	5
3.	Đối thoại về tiền lương, thưởng, thu nhập, phúc lợi	1	2	1	2	3	4	5
4.	Thương lượng tập thể, ký kết thỏa ước lao động tập thể có nội dung về tiền lương, thưởng, thu nhập, phúc lợi	1	2	1	2	3	4	5
5.	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách tiền lương, thưởng, thu nhập, phúc lợi	1	2	1	2	3	4	5
6.	Tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng cho cán bộ công đoàn cơ sở về tiền lương	1	2	1	2	3	4	5

44. Theo anh/chị, công đoàn cơ sở gặp khó khăn gì khi đối thoại, thương lượng với người sử dụng lao động về tiền lương, thu nhập, phúc lợi?

1. Thiếu thông tin về việc thực hiện tại các doanh nghiệp cùng ngành nghề, trên địa bàn, khu vực...
2. Thông tin của doanh nghiệp cung cấp không đầy đủ, chính xác.
3. Năng lực, kỹ năng, kiến thức của cán bộ công đoàn chưa đáp ứng thực tế.
4. Người sử dụng lao động không muốn thương lượng.
5. Công đoàn cấp trên, cơ quan quản lý nhà nước chưa hỗ trợ, hướng dẫn
6. Khác: (ghi rõ)

NỘI DUNG 2: THỐNG KÊ TIỀN LƯƠNG TẠI CÁC DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	9 tháng năm 2024
1.	Tổng số lao động tại DN			
	<i>Trong đó có bao nhiêu người là:</i>			
	<i>Lao động nữ</i>	Người		
	<i>Lao động trực tiếp</i>	Người		
2.	Lao động tuyển mới	Người		
	<i>Trong đó lao động trực tiếp</i>	Người		
3.	Lao động nghỉ việc	Người		
	<i>Trong đó lao động trực tiếp</i>	Người		
4.	Bình quân độ tuổi người lao động (cách tính ⁴)	Tuổi		
	<i>Trong đó lao động trực tiếp</i>	Tuổi		
5.	Thâm niên làm việc bình quân của NLĐ (cách tính ⁵)	Năm		
	<i>Trong đó lao động trực tiếp</i>	Năm		
6.	Trình độ chuyên môn của lao động trực tiếp			
	<i>1. Chưa qua đào tạo</i>	Người		
	<i>2. Đào tạo nghề tại doanh nghiệp</i>	Người		
	<i>3. Đào tạo qua trường nghề</i>	Người		
	<i>4. Sơ cấp, trung cấp</i>	Người		
	<i>5. Cao đẳng</i>	Người		
	<i>6. Đại học</i>	Người		
7.	Hợp đồng lao động của lao động trực tiếp			
	<i>1. Lao động thời vụ</i>	Người		
	<i>2. Hợp đồng xác định thời hạn</i>	Người		
	<i>3. Hợp đồng không xác định thời hạn</i>	Người		
8.	Số lao động tham gia BHXH của doanh nghiệp	Người		
	<i>Trong đó lao động trực tiếp</i>	Người		
9.	Hình thức trả lương với lao động trực tiếp			
	<i>Tỷ lệ LD hưởng lương theo sản phẩm</i>	%		
	<i>Tỷ lệ LD hưởng lương theo thời gian</i>	%		
	<i>Tỷ lệ LD hưởng lương cả thời gian, sản phẩm</i>	%		
10.	Thời gian làm việc trung bình một tuần của người lao động trực tiếp	Giờ/tuần		
11.	Số giờ làm thêm trung bình của người lao động trong năm	Giờ		
12.	Có bao nhiêu bậc lương trong thang, bảng lương đối với người lao động trực tiếp sản xuất	Bậc		
13.	Tỷ lệ lao động trong các bậc lương tương ứng			
	<i>Bậc 1</i>	%		
	<i>Bậc 2</i>	%		
	<i>Bậc 3</i>	%		

⁴ Tổng số tuổi của tất cả NLĐ chia (:) cho tổng số NLĐ.

⁵ Tổng số năm làm việc cho doanh nghiệp của tất cả NLĐ đang làm việc cho DN chia (:) cho tổng số NLĐ.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	9 tháng năm 2024
	<i>Bậc 4</i>	%		
	<i>Bậc 5</i>	%		
	<i>Bậc 6</i>	%		
	<i>Bậc 7</i>	%		
	<i>Bậc 8</i>	%		
	<i>Bậc 9</i>	%		
	<i>Bậc 10</i>	%		
14.	Khoảng cách giữa các bậc lương liền kề	%		
15.	Mức lương thấp nhất trong thang, bảng lương	đ/tháng		
16.	Mức lương dùng làm căn cứ đóng BHXH cho người lao động trực tiếp	đ/tháng		
17.	Tỷ lệ số tiền lương được nâng đối với người lao động	%		
18.	Tỷ lệ % người lao động được nâng lương trung bình trong 1 lần nâng lương	%		
19.	Tổng quỹ tiền lương của doanh nghiệp	Triệu đồng		
	<i>Trong đó tổng quy tiền lương của lao động trực tiếp</i>	Triệu đồng		
	<i>Trong đó, tổng quy tiền lương chiếm tỷ lệ trong giá thành sản phẩm</i>	%		
20.	Thu nhập bình quân của người lao động	đ/tháng		
	<i>Trong đó, của riêng lao động trực tiếp</i>	đ/tháng		
21.	Tiền lương theo công việc/chức danh đối với lao động hưởng lương theo thời gian bình quân của người lao động	đ/tháng		
	<i>Trong đó, của riêng lao động trực tiếp</i>	đ/tháng		
22.	Tiền lương theo sản phẩm đối với lao động hưởng lương theo sản phẩm bình quân của người lao động	đ/tháng		
	<i>Trong đó, của riêng lao động trực tiếp</i>	đ/tháng		
23.	Tiền thưởng bình quân của người lao động	đ/tháng		
	<i>Trong đó, của riêng lao động trực tiếp</i>	đ/tháng		
24.	Tiền phụ cấp bình quân của người lao động	đ/tháng		
	<i>Trong đó, của riêng lao động trực tiếp</i>	đ/tháng		
25.	Tiền lương làm thêm giờ bình quân của người lao động	đ/tháng		
	<i>Trong đó, của riêng lao động trực tiếp</i>	đ/tháng		
26.	Phúc lợi, thu nhập khác bình quân của người lao động trong doanh nghiệp	đ/tháng		
	<i>Trong đó, của riêng lao động trực tiếp</i>	đ/tháng		
27.	Tiền ăn ca (ăn trưa) một bữa (không bao gồm thuế và tiền công, dịch vụ, chất đốt...)	Đ/suất		
28.	Số ngày nghỉ phép hưởng nguyên lương của	Ngày		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	9 tháng năm 2024
	NLĐ trực tiếp trong năm (đối với người lao động làm đủ 12 tháng)			
29.	Số ngày nghỉ lễ, tết trong năm	ngày		
30.	Số lần nghỉ ngắn trong giờ làm việc/ca làm việc (ngoài thời gian nghỉ giữa ca, nghỉ ăn trưa)	Lần		
	<i>Trong đó, thời gian 1 lần nghỉ</i>	<i>phút</i>		
31.	Số cuộc đối thoại tại doanh nghiệp đã tổ chức có nội dung liên quan đến tiền lương, thu nhập	Cuộc		
32.	Số cuộc đình công/ngừng việc tập thể trong năm có nội dung liên quan đến tiền lương, thu nhập	Cuộc		
33.	Tỉ lệ là đoàn viên công đoàn trong doanh nghiệp	%		
34.	Số cán bộ công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp	Người		
35.	<i>Trong đó: Số cán bộ chuyên trách</i>	Người		
36.				

XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC
Tài liệu cần thu thập của doanh nghiệp
(Kèm theo Công văn số /LĐLĐ ngày /11/2024)

TT	Tên tài liệu
1	Thang lương, bảng lương
2	Thỏa ước lao động tập thể, phụ lục thỏa ước lao động tập thể đã ký kết

PHỤ LỤC 3

ĐỀ CƯƠNG

**Báo cáo về tiền lương, thu nhập trong các doanh nghiệp dệt may
tại địa phương, đơn vị giai đoạn 2023 - 9/2024**
(Kèm theo Công văn số /LĐLĐ ngày /11/2024)

I. CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP DỆT MAY TẠI ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ

1. Số lượng công đoàn cơ sở.
2. Số lượng người lao động (trong đó có bao nhiêu lao động nữ, chiếm tỷ lệ %); số lượng đoàn viên công đoàn, chiếm tỷ lệ %.
3. Số lượng cán bộ công đoàn chuyên trách.
4. Chất lượng hoạt động.
5. Tiền lương, thu nhập, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, điều kiện làm việc của người lao động.
6. Đối thoại tại nơi làm việc: số lượng, chất lượng, nội dung (trong đó có nội dung về tiền lương, thu nhập không), thời gian.
7. Ký kết thỏa ước lao động tập thể: số lượng, tỷ lệ đã ký kết; số lượng người lao động được bao phủ; chất lượng (A, B, C, D, không xếp loại) (Gửi kèm theo các bản thỏa ước lao động tập thể đã ký, bảng chấm điểm từng đơn vị, quyết định xếp loại thỏa ước lao động tập thể).
8. Tranh chấp lao động, ngừng việc tập thể (số lượng, nguyên nhân liên quan đến tiền lương, thu nhập, kết quả giải quyết).
9. Đánh giá về vai trò của công đoàn cơ sở trong việc tham gia xây dựng các văn bản của doanh nghiệp về tiền lương, thu nhập, đối thoại, ký kết thỏa ước lao động tập thể, giám sát việc thực hiện các nội dung tiền lương, thu nhập của người lao động.

II. CÔNG ĐOÀN NGÀNH DỆT MAY TẠI ĐỊA PHƯƠNG (NẾU CÓ)

1. Thời gian thành lập.
2. Số lượng công đoàn cơ sở trực thuộc.
3. Số lượng người lao động (trong đó có bao nhiêu lao động nữ, chiếm tỷ lệ %); số lượng đoàn viên công đoàn, chiếm tỷ lệ %.
4. Số lượng cán bộ công đoàn chuyên trách của cơ quan công đoàn ngành.
5. Chất lượng hoạt động.
6. Ký kết thỏa ước lao động tập thể ngành: thời gian ký; thời hạn, hiệu lực; số lượng doanh nghiệp tham gia; số lượng người lao động được bao phủ; nội dung

có lợi hơn cho người lao động, trong đó có nội dung về tiền lương, thu nhập; thực hiện thỏa ước lao động tập thể đã ký kết... (Gửi kèm theo các bản thỏa ước lao động tập thể đã ký).

7. Đánh giá về vai trò của công đoàn ngành trong việc hỗ trợ, hướng dẫn công đoàn cơ sở trong việc tham gia xây dựng các văn bản của doanh nghiệp về tiền lương, thu nhập, đối thoại, ký kết thỏa ước lao động tập thể, giám sát việc thực hiện các nội dung tiền lương, thu nhập của người lao động.

III. THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ CÓ NHIỀU DOANH NGHIỆP DỆT MAY THAM GIA (NẾU CÓ)

1. Số bản thỏa ước lao động tập thể đã ký kết.
2. Thời gian ký; thời hạn, hiệu lực.
3. Số lượng doanh nghiệp tham gia.
4. Số lượng người lao động được bao phủ.
5. Nội dung có lợi hơn cho người lao động, trong đó có nội dung về tiền lương, thu nhập; thực hiện thỏa ước lao động tập thể đã ký kết;
6. Xếp loại chất lượng (A, B, C, D).

(Gửi kèm theo các bản thỏa ước lao động tập thể đã ký, bảng chấm điểm thỏa ước lao động tập thể, quyết định xếp loại thỏa ước lao động tập thể)

IV. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG VIỆC XÁC LẬP, THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG, THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Tồn tại, hạn chế
2. Nguyên nhân
 - Khách quan
 - Chủ quan

V. KHUYẾN NGHỊ, KIẾN NGHỊ VỀ THÚC ĐẨY ĐỐI THOẠI, THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ VỀ TIỀN LƯƠNG, THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP DỆT MAY

1. Khuyến nghị
 - Cấp doanh nghiệp.
 - Cấp nhóm doanh nghiệp.
 - Cấp ngành.
 - Khác.

2. Kiến nghị

- Đảng, Nhà nước.
- Chính phủ, các ban, bộ, ngành trung ương.
- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
- Hiệp hội Dệt may Việt Nam, các hiệp hội người sử dụng lao động liên quan.
- Tỉnh, thành ủy, UBND tỉnh, thành phố.
- Người sử dụng lao động tại các doanh nghiệp.